TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày 16 - 6 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Hửu Có, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 14/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 02/6/2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1992 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Cẩm M, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2013, bị TAND huyện Tam Nông xử phạt 03 tháng 22 ngày tù về tội "Đánh bạc"; Năm 2016 bị TAND huyện Tam Nông xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Năm 2019 bị TAND huyện Tam Nông ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 14 tháng; Năm 2021, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc' Tạm giữ, tạm giam: không, có mặt.

2. Phan Chính T, sinh năm 1988 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn N1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, có vợ

Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1989 và 03 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 05/01/2012 bị TAND tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; Ngày 09/02/2021 bị TAND huyện Tam Nông xử phạt 05 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"; Ngày 22/11/2024 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội "Đánh bạc"; Tạm giữ, tạm giam: không, có mặt.

3. Trịnh Công N2, sinh năm 1996 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Công N3, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1958; có vợ: Phan Chánh C, sinh năm 1990 và 01 con; Tiền án, tiền sự: không nhân thân: Năm 2020 bị UBND thị trấn T ra quyết định giáo dục tại thị trấn, thời hạn 03 tháng do có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Tạm giữ, tạm giam: không, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hồng N5, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng: Trần Văn C1, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lê Quốc D, sinh năm 1978, địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 10/6/2024, Phan Chính T cùng Trịnh Công N2 (em rễ T), Lê Quốc D (bạn T và N2) đến phòng số 5 quán K thuộc khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp uống bia và hát karaoke. Đến 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn N (bạn T) đến uống bia và hát chung được khoảng hơn 01 giờ đồng hồ, N mượn Ngây 1.000.000 đồng để mua đồ cá nhân và T đưa cho N 2.000.000 đồng để trả tiền quán, nhưng không đủ nên N đi về nhà lấy thêm tiền.

Sau khi quay lại quán, trong lúc hát T nói với N "kiếm miếng đồ chơi" (Nuôi hiểu ý Tín kêu kiếm ma túy để sử dụng do N biết trước đây T có sử dụng ma tuý, bị đưa đi cai nghiện), N lấy từ trong ví ra gói giấy màu trắng (bên trong có viên nén màu xanh đã bể thành nhiều mãnh nhỏ và tinh thể dạng bột màu trắng) để lên bàn phía trước vị trí T ngồi và nói với T "còn lại tí nè, có chơi thì chơi" và bỏ ra về. Tín mở gói giấy lấy mãnh nhỏ của viên nén màu xanh để vào miệng sử dụng rồi quay về ghế nệm ngồi, N2 thấy nên cũng đến lấy một mãnh nhỏ của viên nén để sử dụng và quay về ghế nệm ngồi, D thấy nên cũng đến lấy sử dụng và về ghế nệm nằm ngủ. Do thấy viên nén không có tác dụng nên N2 ra ngoài mượn đĩa thủy tinh của quán karaoke, lấy gói giấy bên trong có tinh thể dạng bột màu trắng của N để lại, đổ vào đĩa thủy tinh và cuộn tròn cố định tờ tiền polime mệnh giá 20.000

đồng, T lấy thẻ ATM ngân hàng B1 chia nhỏ dạng bột màu trắng ra, để lên tờ tiền của N2 đã cuộn tròn sẵn, đưa vào mũi hít một hơi và quay về ghế nệm ngồi nhắm mắt, lúc này N2 tiếp tục lấy tờ tiền đã cuộn tròn đưa vào mũi hít một hơi rồi quay về ghế nệm ngồi nhắm mắt (do say ma túy).

Lúc T và N2 chuẩn bị dụng cụ và ma túy để sử dụng, D do say nên nằm ngủ trên ghế nệm cách T và N2 hơn 3m. Khi D thức giấc thấy T và N2 đang ngồi nhắm mắt, trên bàn có tờ tiền đã cuộn tròn và dĩa chứa chất dạng bột màu trắng nên đi đến lấy hít một hơi rồi quay về ghế nệm ngồi nhắm mắt đến khoảng 10 phút sau lực lượng Công an đến kiểm tra và bắt quả tang.

- Kết luận giám định số 775/KL-KTHS, ngày 14/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy có khối lượng 0,044 gam, loại Ketamine (số thứ tự 40 thuộc Danh mục III, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính Phủ).

- Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Phan Chính T, Trịnh Công N2, Lê Quốc D cùng ngày 10/6/2024 của Đội cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy thuộc Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết quả: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể, loại Ketamine.

- Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Nguyễn Văn N vào ngày 10/6/2024 của Đội cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Ma túy thuộc Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết quả: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ chưa xử lý:

- Mẫu tinh thể rắn được nghiền thành dạng bột trong phong bì còn lại sau giám định có khối lượng 0,029 gam, được dán giấy niêm phong lại ghi "Niêm phong số 778, ngày 11/6/2024" có đóng dấu tròn của "Phòng K1 - Công an tỉnh Đ" và có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Phạm Phước B, Phan Chính T.

- 01 thẻ ATM, Ngân hàng B1 tên "Phan Chanh T2" mã số thẻ 9704180000039813225; 01 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 20.000 đồng, loại polime, số seri: QT 20949254; 01 đĩa thủy tinh, màu trắng đỏ của Nguyễn Hồng N5 (chủ quán karaoke L1).

Vật chứng đã xử lý:

- Đã thu giữ và trả lại cho Phan Chính T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 13 Promax, màu trắng đen, gắn sim số 0901242325, số IMEI 354786252397134 (đã qua sử dụng), qua kiểm tra điện thoại trên không liên quan đến vụ án.

- Đã thu giữ và trả lại cho Trịnh Công N2 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 14 Promax, màu trắng đen, gắn sim số 0776512612, số IMEI 356266760877594 (đã qua sử dụng), qua kiểm tra điện thoại trên không liên quan đến vụ án.

- Đã thu giữ và trả lại cho Phạm Quốc D1 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus, màu vàng - trắng, gắn sim số 0343997816, số IMEI

35573697797700 (đã qua sử dụng), qua kiểm tra điện thoại trên không liên quan đến vụ án.

- Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSTN ngày 11/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố: các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Chính T, Trịnh Công N2 phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn N 07 – 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Chính T 07 – 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Công N2 07 – 08 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu, tiêu huỷ: Mẫu tinh thể rắn được nghiền thành dạng bột trong phong bì còn lại sau giám định có khối lượng 0,029 gam, được dán giấy niêm phong lại ghi "Niêm phong số 778, ngày 11/6/2024" có đóng dấu tròn của "Phòng K1 - Công an tỉnh Đ" và có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn T3 Em, Phạm Phước B, Phan Chính T; 01 thẻ ATM, Ngân hàng B1 tên "Phan Chanh T2" mã số thẻ 9704180000039813225 là vật cấm lưu hành và liên quan đến việc phạm tội; 01 đĩa thủy tinh, màu trắng đỏ, do chủ sở hữu Nguyễn Hồng N5 không yêu cầu nhận lại.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 20.000 đồng, loại polime, số seri: QT 20949254.

+ Đối với Lê Quốc D không biết nguồn gốc ma túy từ đâu mà có, không tham gia tổ chức nên không đồng phạm cùng T và N2.

+ Đối với người tên T4, do mới quen lần đầu, N không biết rõ họ và địa chỉ cụ thể (chỉ biết T4 sống tại thành phố T, tỉnh Bình Dương) nên Cơ quan điều tra không làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố và thống nhất theo kết luận giám định.

Xét lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)..

b) Đối với 02 người trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 500.000.000đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Như vậy, vào lúc 21 giờ 30 phút, ngày 10/6/2024, tại khóm B, thị trấn T, huyện T, các bị cáo Phan Chính T, Trịnh Công N2 cùng Lê Quốc D khi bị bắt phạm tội quả tang tại phòng số 5, quán K đang sử dụng ma túy, trong đó nguồn ma túy do bị cáo Nguyên Văn N6 cung cấp, bị cáo N2 lấy đĩa để đổ ma túy ra và dùng tờ tiền cuộn tròn để sử dụng; bị cáo T lấy thẻ ATM để chia nhỏ ma túy ra nhiều phần để sử dụng. Nên đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Khi bị bắt quả tang thì T, N2 và D sử dụng ma túy trong phòng, kết quả xét nghiệm trong cơ thể đều dương tính với chất ma túy, loại Ketamine, nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Như chúng ta đã biết, tác hại của ma túy làm ảnh hưởng đến sức khỏe và là nguồn gốc phát sinh ra nhiều căn bệnh hiểm nghèo, làm cho biết bao gia đình phải chịu đau thương khi có người nghiện, gây băng hoại đạo đức, xã hội, kìm hãm sự phát triển kinh tế, các bị cáo nhận thức rỏ tác hại này nhưng bất chấp hậu quả, để sử dụng chất ma túy.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trức tiếp chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó nên cần xử phạt bằng cách cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để được giáo dục từ bỏ con đường phạm tội, trở thành người có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe cho những ai có ý thức xấu xa như các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng: không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T, N2 có gia đình là người có công cách mạng, nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[8] Các bị cáo đều là người thực hành, thuộc đồng phạm giản đơn, tuy nhiên để phân hóa tội phạm, chính bị cáo T là người chủ mưu nhưng do bị cáo đang bị bệnh, cần phẫu thuật thay khớp, nghĩ nên cần giảm hình phạt ngang bằng với các bị cáo khác cũng đảm bảo tính răn đe và tương xứng hành vi phạm tội.

[9] Bị cáo T đang chấp hành bản án số: 211/2024/HSD-PT ngày 22/11/2024 của TAND tỉnh Thanh Hóa, với mức hình phạt 36 tháng tù, bị cáo đã tự nguyện chấp hành án ngày 05/02/2025, nên thuộc trường hợp đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[10] Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

+ Tại phiên tòa, không phát sinh tranh chấp các vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý giao trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Mẩu tinh thể còn lại sau giám định, được niêm phong, là chất ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 thẻ ATM do Phan Chính T mở tài khoản tại Ngân hàng B1, tuy bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng đây là thẻ dùng để giao dịch tiền cá nhân của bị cáo T, nên cần giao trả để đảm bảo sinh hoạt cá nhân kinh tế của bị cáo.

+ 01 đĩa thủy tinh là của chủ quán K (Nguyễn Hồng N5), xét thấy đây là vật dụng phục vụ tại quán, bị cáo mượn để sử dụng ma túy, nhưng chị N5 không có yêu cầu nhận lại, không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, mà các bị cáo dùng vào việc sử dụng ma túy. tại phiên tòa bị cáo N2 đồng ý tịch thu sung quỹ nhà nước, nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí trong vụ án hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Nguyễn Văn N phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Xử phạt: Nguyễn Văn N: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Phan Chính T phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Xử phạt: Phan Chính T: 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của Bản án số: 211/2024/HS-PT ngày 22/11/2024 của TAND tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Phan Chính Tín chấp H1 hình phạt 10 (M1) năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 24/01/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Trịnh Công N2 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Xử phạt: Trịnh Công N2: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- *Về vật chứng của vụ án*: căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 20.000 đồng, loại polime, số seri QT 20949254.

+ Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn được nghiền thành dạng bột trong phong bì còn lại sau giám định có khối lượng 0,029 gam, được dán giấy niêm phong lại ghi "Niêm phong số 778, ngày 11/6/2024" có đóng dấu tròn của "Phòng K1 - Công an tỉnh Đ" và có chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Thắng E, Phạm Phước B, Phan Chính T; 01 đĩa thủy tinh, màu trắng đỏ.

+ Trả lại cho Phan Chính T: 01 thẻ ATM, Ngân hàng B1 tên "Phan Chanh T2" mã số thẻ 9704180000039813225.

(Tất cả vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 16/QĐ-VKSTN ngày 11/4/2025).

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Chính T, Trịnh Công N2, mỗi người phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Viễn